

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 6 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc

Ông Lê Phú Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số N, tổ M, Quốc lộ 1A, khu phố A, phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Chung Anh D, sinh năm 1981; địa chỉ: Số N, đường A – khu phố B, phường C, thành D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2022; biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01, ngày 16/12/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Chung Ngọc Quỳnh M và Chung Ngọc Anh T. Đến cuối năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân là bất

đồng trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hiện tại bà N không còn tình cảm với ông D và có đơn khởi kiện ly hôn ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Chung Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 01/6/2006 và Chung Ngọc Anh T, sinh ngày 06/7/2015. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Chung Ngọc Quỳnh M và Chung Ngọc Anh T. Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 30/5/2022, bị đơn ông Chung Anh D trình bày: Ông D thống nhất với lời trình bày của bà N về quan hệ hôn nhân, con chung. Ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N. Ông D cũng đồng ý giao con chung Chung Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 01/6/2006 và Chung Ngọc Anh T, sinh ngày 06/7/2015 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung thì ông D không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc nên ông D có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông D.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Bà N có yêu cầu khởi kiện ly hôn ông D và ông D cũng đồng ý ly hôn bà N. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bà N và ông D. Về con chung: Bà N và ông D có 02 con chung là cháu Chung Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 01/6/2006 và Chung Ngọc Anh T, sinh ngày 06/7/2015. Khi ly hôn bà N và ông D cũng thỏa thuận giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu Quỳnh M và Anh T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với ông Chung Anh D. Ông D có địa chỉ: Số N, đường A – khu phố B, phường C, thành D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N và ông D có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt bà N và ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Chung Anh D tự nguyện kết hôn với nhau và Ủy ban nhân dân phường B, quận C (nay là phường B, thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01, ngày 16/12/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung nhưng đến cuối năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân là bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn được, hiện tại bà N không còn tình cảm với ông D và có đơn khởi kiện ly hôn ông D. Quá trình giải quyết vụ án, ông D thống nhất với lời trình bày của bà N và đồng ý ly hôn bà N. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Chung Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 01/6/2006 và Chung Ngọc Anh T, sinh ngày 06/7/2015. Khi ly hôn, bà N và ông D tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông D không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Quỳnh M và cháu Anh T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Chung Anh D không cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 37, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N đối với ông Chung Anh D về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn ông Chung Anh D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Chung Ngọc Quỳnh M, sinh ngày 01/6/2006 và Chung Ngọc Anh T,

sinh ngày 06/7/2015. Ông Chung Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Chung Anh D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Ánh N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì quyền lợi hợp pháp của con, việc cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Chung Anh D không cấp dưỡng nuôi con.

2. Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Chung Anh D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003818, ngày 09/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị Ánh N và ông Chung Anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố D;
- Chi cục THADS thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Ngọc

Lê Phú Tâm

Đào Thị Thu Vân